

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa**Tập 1****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010****Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang**

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đại đức, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống.

Ngày hôm nay nhằm tiết Thanh Minh Âm lịch, chúng tôi chọn ngày hôm nay để bắt đầu giảng Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa. Đối với mọi người, danh xưng này dường như rất xa lạ, nhưng các vị đồng tu đã lâu trong nhà Phật biết Tịnh Độ Đại Kinh là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ hiện thời có chín phiên bản khác nhau, bản được chúng tôi chọn lựa chính là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Sắp theo thứ tự triều đại trước sau, bản này là bản cuối cùng, là bản thứ chín. “Giải” (解) là chú giải, do đệ tử cụ Hạ là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải. Duyên khởi này cũng rất chẳng thể nghĩ bàn! Trong giáo pháp Đại Thừa, cũng như trong Phật môn, [mọi người] đều cảm thấy kinh Vô Lượng Thọ rất hy hữu. Vì sao? Vì thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi chín năm; trong bốn mươi chín năm, Ngài đã giảng khá nhiều kinh luận, [các kinh luận khác] lão nhân gia chỉ giảng một lần, chẳng hề giảng trùng lặp, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ được giảng trùng lặp mấy lượt. Đối với sự phiên dịch tại Trung Quốc, từ Dịch Kinh Mục Lục, chúng ta thấy kinh này có mười hai bản dịch, được phiên dịch nhiều lần nhất. Từ triều Hán cho đến triều Tống, trong vòng tám trăm năm, dịch mười hai lần. Lẽ đương nhiên, nếu cùng một bản gốc, tuy có nhiều bản dịch, đương nhiên vẫn tự trong các bản dịch ấy khác nhau, nhưng nội dung chắc chắn là đại đồng tiêu dị. Như kinh Kim Cang có sáu bản dịch, từ Đại Tạng Kinh, chúng ta có thể thấy sáu bản dịch ấy có cùng một nguyên bản (bản gốc), cũng có nghĩa là đức Thế Tôn chỉ giảng [kinh Kim Cang] một lần. Kinh Vô Lượng Thọ rất lạ lùng, những bản dịch sai biệt rất lớn. Chỗ rõ ràng nhất, mà cũng là phần trọng yếu nhất trong kinh này, chính là bốn nguyện của A Di Đà Phật. Hiện tại, chỉ còn lại năm bản trong mười hai bản dịch, đã thất truyền bảy bản. Hiện thời, trong Đại Tạng Kinh có mục lục [ghi tựa đề của các bản dịch ấy], nhưng không có văn bản. Đây là chuyện rất đáng tiếc nuôi!

Trong năm bản dịch gốc còn được lưu truyền, hai bản ghi bốn mươi tám nguyện, hai mươi bốn nguyện cũng được ghi trong hai bản, còn bản dịch đời Tống chép ba mươi sáu nguyện, sai biệt quá lớn! Nếu bảo nguyên bản chỉ có một loại, chắc chắn không thể nào có sự sai biệt này. Đó là chuyện chẳng thể xảy ra được! Do vậy, từ chỗ có ba loại bốn nguyện sai biệt, cổ đại đức phán đoán: Đối với bảy bản dịch đã thất truyền, do không biết nội dung [nên chẳng dám bàn tới], từ năm bản dịch này, khẳng định đức Thế Tôn tôi thiếu giảng [kinh Vô Lượng Thọ] ba lần. Ba lượt nói bốn nguyện của A Di Đà Phật, đức Thế Tôn nói các điều nguyện không giống nhau, nên mới có sai biệt. Dự đoán này rất hợp la-tập (logic), bọn chúng ta cũng đều có thể chấp nhận. Nhiều lần tuyên giảng đâu phải dễ! Nếu không

phải là hết sức trọng yếu, đức Thế Tôn chẳng thể tuyên giảng nhiều lượt. Trong Đại Tạng Kinh, gần như chẳng tìm được dấu vết [những bộ kinh khác] được tuyên giảng nhiều lần. Sở dĩ, thưở còn tại thế, đức Phật đã tuyên giảng bộ kinh này nhiều lần, vì đây là một bộ kinh vô cùng trọng yếu. Nhất là chúng ta thấy Thiện Đạo đại sư đã nói hai câu, ngài Thiện Đạo là người đời Đường, theo truyền thuyết Ngài là A Di Đà Phật tái lai, lời ngài Thiện Đạo nói chính là lời A Di Đà Phật nói! Ngài dạy: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (Sở dĩ đức Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ vì muốn nói biển bốn nguyện của Phật Di Đà), có nghĩa là nói: Thập phương chư Phật thị hiện trong thế gian [chỉ vì nguyên nhân này]. Qua phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy vũ trụ quan của nhà Phật (Triết Học hiện đại bảo [nội dung những điều được nói trong hai phẩm kinh trên đây] là vũ trụ quan nhà Phật) quá lớn! Các nhà thiên văn học hiện thời chưa đạt tới cảnh giới này. Nói theo Phật giáo, sự quan sát và lý giải của các nhà thiên văn học vẫn chưa thể thoát khỏi thế giới Sa Bà.

Chúng tôi học kinh giáo nhiều năm như thế, thấy hầu hết các vị đại đức tiền bối đã sớm cho rằng một đơn vị thế giới nói trong kinh Phật là địa cầu. [Kinh nói] mặt trời xoay vòng quanh núi Tu Di (Sumeru), rất nhiều người hiểu lầm, nghĩ núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya) là Tu Di Sơn. Sau này, khoa học chứng minh địa cầu hình tròn nên gọi là “địa cầu”, chẳng khác gì các ngôi sao trên trời, cũng không thể coi là quá lớn được! Địa cầu xoay quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời xoay quanh địa cầu. Họ biết có Thái Dương Hệ (Solar system), mặt trời xoay quanh hệ Ngân Hà (Galaxy), nhưng chúng ta không có cách nào xoay chuyển quan niệm này! Tu Di Sơn ở đâu? Chắc chắn Tu Di Sơn chẳng ở trên địa cầu. Phật pháp hình dung Tu Di Sơn bằng danh xưng Diệu Cao, chúng ta có thể hiểu chữ Cao, nhưng Diệu rất khó hiểu. Chúng tôi vốn nghĩ [một đơn vị thế giới trong kinh Phật] là một cõi Phật, tức là phạm vi giáo hóa của một vị Phật, giống như các khoa học gia hiện thời bảo là một “hệ Ngân Hà”. Kể từ năm 1986, tôi kết duyên, quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Thưở ấy, hai người chúng tôi vô cùng vui sướng, vì hoàng dương bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư vốn chỉ có hai người bọn tôi. Cụ giảng bộ kinh này trong nước, tôi giảng bộ kinh này tại hải ngoại. Chúng tôi gặp mặt, cụ Hoàng nêu lên vấn đề này, cho tôi biết: Một đơn vị thế giới trong kinh Phật chẳng phải là Thái Dương Hệ, mà là hệ Ngân Hà. Trung tâm của hệ Ngân Hà là “hắc động” (black hole), Tu Di Sơn phải là hắc động. Sự cao lớn của hắc động chúng ta có thể hiểu được, nhưng cho đến hiện thời, vẫn chưa có ai có thể lý giải tình trạng thật sự của hắc động, chỉ biết là nó có sức hút rất lớn, ngay cả ánh sáng cũng không có cách nào xuyên qua, đều bị nó hút mất. Nó là cốt lõi của hệ Ngân Hà, tất cả các tinh cầu đều xoay quanh cái lõi này. Cổ nhân Trung Quốc gọi nó là Hoàng Cực (Ecliptic Pole), hệ Ngân Hà mới là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là một “tiểu thiên thế giới”. Đó chính là một ngàn hệ Ngân Hà, một tiểu thiên thế giới đấy! Lại lấy tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là “trung thiên thế giới”, một ngàn trung thiên thế giới gọi là một “đại thiên thế giới”. Một đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức hệ Ngân Hà. Các nhà thiên văn học hiện tại chưa thể quan sát [điều này]; đây là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói có vô lượng vô biên thế giới như vậy trong vũ trụ. Nói đến “thế giới Hoa Tạng” thì thế giới Hoa Tạng giống như một cao ốc có hai mươi tầng, thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc đều thuộc tầng thứ mười ba. Lại chẳng biết có bao nhiêu thế giới giống như thế giới Hoa Tạng! Đây là thế giới quan của Phật pháp, thế giới đồ sộ, quả thật chẳng thể nghĩ bàn được!

Đức Phật xuất hiện trong thế gian, khu vực giáo hóa của mỗi vị Phật nhỏ nhất là một đại thiên thế giới. Có trường hợp là hai, ba đại thiên thế giới, hay năm, sáu đại thiên thế giới, mười mấy đại thiên thế giới cũng có; Phật cũng có phước báo to hay nhỏ khác nhau! Nguyên nhân do đâu? Trong khi tu nhân, tâm lượng khác nhau, cho nên [khi thành Phật] cảm quả cũng chẳng giống nhau. Trừ điều này ra, chẳng có gì khác biệt. Đây là nói “duyên hóa độ chúng sanh” không giống nhau. Vì vậy, người học Phật phải rộng kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh; trong tương lai, quý vị thành Phật sẽ độ người khác đông đảo. Rộng kết pháp duyên rất quan trọng! Đức Phật thị hiện trong các cõi Phật khác nhau đều do có duyên, chẳng thể nói là “không có duyên”, đều có duyên, duyên ấy rất phức tạp. Dùng phương pháp ôn hòa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng nào để giúp người khác có thể trở về tự tánh? Trở về tự tánh là thành Phật viên mãn, trở về nguồn cội, dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp Niệm Phật của Tịnh Độ; do vậy, ngài Thiện Đạo nói: “*Duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (chỉ để nói bốn nguyện của Phật Di Đà). Kinh ấy là kinh gì? Kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ được gọi kinh bậc nhất trong Tịnh Tông. Tịnh Độ Tông thật đơn giản, kinh điển để làm căn cứ gồm năm thứ. Thuở ấy, đức Thế Tôn giảng ba thứ, tức là ba bộ kinh, [thường gọi là] Tịnh Độ Tam Kinh: Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh và Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Phân lượng cũng chẳng lớn. Nếu chỉ là kinh văn của ba bộ kinh, tức là chánh kinh không có phần chú giải, in chung lại thành một quyển mỏng tanh, phân lượng rất ít, đơn giản, dễ dàng, nhưng thành tựu vô cùng thù thắng. Thiện Đạo đại sư cho chúng ta biết điều này.

Chúng ta phải tin tưởng, gặp được pháp môn này chính là cơ duyên hy hữu trong một đời này! Quý vị có được cơ hội này, có thể trở về tự tánh, có thể viên thành Phật đạo, khó thể gặp gỡ cơ hội này. Bởi lẽ, “*thân người khó được, Phật pháp khó gặp*”. Chúng ta được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, lại gặp được pháp môn thù thắng khôn sánh trong Phật pháp, phải trân quý cơ duyên này. Pháp môn này còn gọi là “pháp khó tin”, do phương pháp quá đơn giản, quá dễ dàng, nên rất nhiều vị Bồ Tát chẳng tin! Nói theo Lý, phải hết vọng mới có thể quay về nguồn được, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng tách lìa nguyên tắc này. “*Vọng*” là phiền não. Ba loại phiền não lớn là Vô Minh phiền não, Kiến Tư phiền não, và Trần Sa phiền não; đây là ba loại lớn. Đoạn Kiến Tư phiền não, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Bởi lẽ, lục đạo chẳng thật, giống như một giấc mộng. Quý vị chưa thoát khỏi lục đạo, đang nằm mộng, vẫn chưa tỉnh mộng. Khi nào quý vị buông Kiến Tư phiền não xuống, kinh Hoa Nghiêm gọi Kiến Tư phiền não là chấp trước, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn chấp trước, buông Kiến Tư phiền não xuống, quý vị bèn chứng quả A La Hán. A La Hán đã tỉnh, từ trong lục đạo tỉnh giấc mộng lớn bèn là A La Hán, lục đạo chẳng còn nữa! Lục đạo chẳng còn, đã tỉnh; vì sao quý vị vẫn còn ở trong mộng? Quý vị còn có phân biệt, còn có vọng tưởng, [những thứ này] vẫn là phiền não, nhẹ hơn Kiến Tư phiền não một tí, nhưng vẫn còn. Nếu phân biệt cũng buông xuống, chẳng còn phân biệt nữa, không chỉ là chẳng phân biệt, mà vọng tưởng cũng buông xuống. Vọng tưởng là gì? Tôi thường gọi nó là “khởi tâm, động niệm”. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Khởi tâm động niệm đều không có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị thật sự tỉnh mộng. Hễ tỉnh thì tứ thánh pháp giới đều không có, tức là mười pháp giới chẳng có. Mười pháp giới bao gồm lục đạo, dưới là lục đạo, trên là tứ thánh, tứ thánh là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; Phật [trong tứ thánh pháp giới] cũng chẳng thật! Phải biết điều này! Đừng nên chấp trước, chớ nên

phân biệt! Sau khi buông xuống những điều này, chẳng thấy tứ thánh pháp giới nữa, quý vị thật sự tỉnh khỏi mộng cảnh. Khi tỉnh ấy, vẫn còn có tướng cảnh giới, vẫn còn có tướng, tướng gì vậy? Chúng ta thường gọi nó là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Chúng ta nói thế giới Cực Lạc, kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Hoa Tạng, chúng đều là những cõi Thật Báo của Như Lai. Nói tới cõi Thật Báo của Như Lai, quý vị phải nhớ: Nó là cõi Thật Báo của chính mình, Tự - Tha bất nhị, Tha là chư Phật Như Lai, thật sự chẳng hai!

Do vậy, trong mấy năm gần đây, chúng tôi cực lực đề xướng: Phật sự sử dụng trong Tịnh Tông là Tam Thời Hệ Niệm do thiền sư Trung Phong biên soạn, Ngài là bậc đại đức trong Thiền Tông. Quý vị thấy Ngài biên soạn nghi thức Hệ Niệm hoàn toàn dùng [giáo nghĩa] Tịnh Độ, cõi âm lẫn dương gian đều được lợi ích. Lão nhân gia nói rất rõ ràng: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, Di Đà ở đâu? Di Đà là tự tánh, Tịnh Độ cũng là tự tánh; tâm và tánh là một, chẳng hai. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, sẽ biết chư Phật Như Lai và hết thảy chúng sanh có mối quan hệ mật thiết với bản thân chúng ta. Nói tới “quan hệ” thì mối quan hệ ấy thuộc loại luân lý, tức là quan hệ nói theo phương diện luân lý. Kinh giáo Đại Thừa giảng quan hệ rất thấu triệt, giảng đến mức viên mãn rốt ráo: Trọn khắp pháp giới hư không giới, trên là chư Phật, dưới là chúng sanh, có cùng một Thể với chính mình, chẳng phải là “một nhà”, mà là “một Thể”. Nói tới mối quan hệ này. Do vậy, lòng yêu thương ấy được gọi là Vô Duyên Đại Từ, Từ là lòng yêu thương, quan tâm, Vô Duyên là chẳng có điều kiện; Đồng Thể Đại Bi, Bi là thương xót, thương xót hết thảy chúng sanh mê mất tự tánh. Phải biết: Họ và chúng ta là một Thể, chẳng phải là người ngoài, mà là Đồng Thể. Vô Duyên là giúp đỡ họ vô điều kiện. Vì thế, trong nhân gian có lòng Chân Ái (lòng yêu thương chân thật), Chân Ái là lòng yêu thương của Phật, Bồ Tát, là đại từ đại bi. Thật đấy! Bậc giác ngộ thì có, còn kẻ mê mất tự tánh chẳng phải là không có, nhưng kẻ ấy bị mê, do mê nên lòng Chân Ái bị biến chất. Do vậy, trong kinh đức Phật gọi lòng yêu thương ấy (lòng yêu thương của kẻ mê mất chân tánh) là Hữu Ái Duyên Từ, như trong thế gian hiện thời, lòng thương yêu của cha mẹ đối với con cái gọi là Ái Duyên, có lòng từ bi, nhưng từ bi đối với kẻ có quan hệ máu mủ, ruột thịt, bị chi phối bởi mối quan hệ này. Lại có Chúng Sanh Duyên Từ Bi, tâm lượng lớn hơn một chút, yêu thương chính mình, mà cũng có thể yêu thương người khác. Câu “*phàm thị nhân, giai tu ái*” (phàm là người, đều phải yêu) trong Đệ Tử Quy chính là Chúng Sanh Duyên Từ Bi. Bồ Tát có Pháp Duyên Từ Bi, lại cao hơn một tầng nữa, các Ngài liễu giải chân tướng sự thật. Thật sự đạt đến minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, đó là lòng từ bi của Phật. [Lòng từ bi ấy] chẳng có điều kiện, đấy mới là Chân Ái. Những lòng Ái khác có điều kiện, còn lòng Ái này chẳng có điều kiện. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì học Phật mới tìm được người thân thật sự! Chúng ta giống trẻ nhỏ mê mất phương hướng, thật sự tìm được cha mẹ, tìm được người quan tâm, yêu thương chúng ta rồi. Những người ấy là chư Phật, Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài thật sự có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, trở về tự tánh, công đức viên mãn. Bởi lẽ, chỗ khác nhau giữa chúng sanh và Phật là mê hay ngộ; trừ mê và ngộ ra, chẳng có gì khác nhau! Trong giáo pháp Đại Thừa, quý vị càng đọc, càng hiểu rõ, càng minh bạch, đọc đến cuối cùng, quý vị hoá nhiên hiểu rõ, “*nguyên lai đương hạ*”, tức là ở ngay nơi này, ngay trong lúc này!

Tịnh Tông thật sự khó tin, đặc biệt là đối với những phần tử tri thức. Tôi học Phật là do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu. Lúc trẻ cũng theo học trong nhà trường, chịu ảnh hưởng của các giáo viên, nghĩ Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, lại còn là đa thần giáo (polytheism), phiếm thần giáo (pantheism) trong các tôn giáo, là một tôn giáo thuộc loại thấp. Tôn giáo bậc cao chỉ nói tới một vị chân thân. Qua biểu hiện, Phật giáo thật sự là mê tín, thuở ấy, tôi chẳng hiểu giải. Trong xã hội hiện thời, kẻ chẳng hiểu giải càng nhiều! Tôi học Triết Học với thầy Phương. Trong khóa học cuối cùng, thầy giảng Triết Học trong kinh Phật, tôi nói: “Phật giáo là tôn giáo, mê tín, là phiếm thần giáo, kiếm đâu ra Triết Học?” Thầy bảo tôi: “*Anh không biết, tuổi anh còn trẻ, Thích Ca Mâu Ni Phật là một triết gia vĩ đại nhất trên thế giới. Triết Học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong Triết Học trên toàn thế giới*”. Lúc ấy, thầy bảo tôi như thế này: “*Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong đời người*”. Trong khóa học ấy, tôi tiếp nhận Triết Học từ kinh Phật như vậy, mới thay đổi quan niệm sai lầm trong quá khứ, nhận thức Phật giáo bằng nhãn quan mới. Duyên của tôi rất thù thắng, sau khi thầy Phương giới thiệu Phật giáo cho tôi biết, không đầy hai tháng sau, tôi có cơ hội quen biết Chương Gia đại sư, do một thân vương Mông Cổ cuối đời Thanh giới thiệu cho tôi quen biết Chương Gia đại sư. Khi đó, tôi vừa tiếp xúc Phật pháp, đây cũng là do thầy Phương từ bi, chỉ cho tôi đường lối học tập. Thầy nói Phật pháp chẳng ở trong chùa chiền, ở đâu? Trong kinh điển. Anh muốn thật sự tìm được Phật giáo, phải tìm từ kinh điển. Sự hướng dẫn này vô cùng quan trọng, do vậy, tôi thủy chung cảm tạ ân đức thầy; bởi lẽ, không có sự chỉ điểm ấy, chúng tôi sẽ thành giáo người xuất gia. Nhiều kẻ xuất gia vứt bỏ kinh giáo, chẳng học tập, chẳng thể thuyết pháp, trong tình hình ấy, chắc chắn chúng tôi sẽ hoài nghi, lòng tin chẳng còn nữa! Do cụ Phương biết [Phật pháp] ở trong kinh điển, cụ nói thuở xưa, người xuất gia và tại gia học Phật đều là những bậc học vấn lỗi lạc, thật sự là đại đức, đại triết, hiện nay rất hiếm [những người như vậy].

Sau khi tôi tiếp xúc Chương Gia đại sư, Ngài dạy tôi học về Thích Ca Mâu Ni Phật, bảo tôi hãy xem hai tài liệu. Hai tài liệu ấy ở trong Đại Tạng Kinh, thuở ấy chưa có bản lưu hành riêng, đó là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí¹. Lão nhân gia rất từ bi: “Anh muốn học Phật, trước hết, anh phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, sẽ chẳng đi lòng vòng”. Sau khi đọc xong hai tài liệu ấy, tôi mới biết Thích Ca Mâu Ni Phật quả thật vĩ đại. Nói theo cách bây giờ, Ngài là nhà giáo dục, chẳng vương mắc trong tôn giáo. Xuất thân từ dòng dõi vua chúa, phụ thân Ngài là quốc vương. Cổ Ấn Độ thuở ấy chẳng khác thời Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Hoa cho mấy, đều là có rất nhiều quốc gia nhỏ. Ngài là vương tử, mười chín tuổi rời khỏi gia đình, đi tham học. Do vậy, chúng ta biết Thích Ca Mâu Ni Phật tuổi thanh niên vô cùng hiếu học, rời khỏi gia đình để cầu học, cuộc sống rất

¹ Thích Ca Phổ do ngài Tăng Hựu soạn vào đời Lương, nội dung trích dẫn rộng rãi các kinh điển Đại và Tiểu Thừa, ghi chép lịch sử thị tộc Thích Ca và sự tích của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng như sự kiện kể từ sau khi đức Phật nhập diệt cho đến thời A Dục Vương. Do bộ này viết hơi rườm rà nên đến đời Đường, ngài Đạo Tuyên viết tác phẩm Thích Ca Thị Phổ ngắn gọn hơn.

Thích Ca Phương Chí gồm hai quyển, do ngài Đạo Tuyên soạn vào năm Vĩnh Huy nguyên niên (650) đời Đường, ghi chép các khu vực có Phật giáo lưu truyền, diễn biến truyền thừa Phật giáo theo từng thời kỳ, kể cả những chi tiết về núi Tu Di, tứ bộ châu, các tuyến đường trọng yếu tại Trung Ấn, tiểu sử của mười sáu vị tăng Trung Hoa sang Ấn Độ cầu pháp, cũng như các sự kiện Phật giáo trong quá trình truyền thừa từ Ấn Độ sang Trung Hoa.

khổ sở, giống như vị Tăng khổ hạnh. Ấn Độ [thuở ấy] quả thật là một nơi tốt đẹp. Thuở ấy, học thuật trên địa cầu này, đặc biệt là Triết Học, có thể coi như Ấn Độ đứng đầu thế giới. Tôn giáo cũng giống như thế, Ấn Độ là xứ sở tôn giáo, tất cả các bậc đại đức trong tôn giáo Ngài đều gặp gỡ, học tập; lại còn học hết sức nghiêm túc, tất cả các học phái Ngài cũng đều học qua. Khi ấy, phong khí Thiên Định ở Ấn Độ rất thịnh, bất luận tôn giáo hay học thuật đều coi trọng Thiên Định. Tứ Thiên Bát Định nói trong kinh Phật chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật đề xướng. Chẳng phải vậy! Tôn giáo lẫn học thuật của Cổ Ấn Độ đều học những môn này, đương nhiên, chàng thanh niên Thích Ca Mâu Ni cũng không ra ngoài lệ ấy.

Thiên Định có thể đột phá các chiều không gian (spatial dimensions), cho nên phát hiện lục đạo. Lục đạo là thật, chẳng giả. Quý vị tu Định đến một trình độ nhất định, sẽ thấy giống như họ đã thấy: “Hoàn toàn giống như các vị đã nói!” Người thấy [những điều này] nhiều lắm! Phía trên là từ hai mươi tám tầng trời, phía dưới đến A Tỳ địa ngục, họ hiểu rành rẽ tình trạng trong toàn thể lục đạo, nhưng nếu hỏi: “Lục đạo do đâu mà có? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo ở ngoài còn có thế giới hay chăng?” Vấn đề này, không chỉ hết thầy các tôn giáo của Ấn Độ chẳng có cách nào trả lời, mà những triết gia Ấn Độ cũng chẳng thể giải đáp. Thích Ca Mâu Ni Phật tu mười hai năm, đến năm ba mươi tuổi, thôi học tập, học mười hai năm, rốt cuộc đã tốt nghiệp, buông bỏ, tịnh tọa dưới cội cây Tất Bát La (Pippala) bên bờ sông Hằng, khai ngộ. Cây ấy về sau được gọi là “*Bồ Đề thụ*”. Bồ Đề (Bodhi) có nghĩa là “giác ngộ”. Ngài đại triệt đại ngộ ở nơi ấy. Nhập Thiên Định càng sâu hơn, Thiên Định gì vậy? Trong kinh Lăng Nghiêm, Định ấy được gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, kinh Hoa Nghiêm gọi Định ấy là Sư Tử Phấn Tán tam-muội, đó là kiến tánh; đó cũng là nói: Thật sự buông “khởi tâm, động niệm” xuống. Chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn khôi phục tự tánh, mới thật sự hiểu rõ ràng, rành rẽ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Lục đạo luân hồi là chuyện nhỏ nhặt, quá nhỏ bé, thấy đều hiểu rõ ràng, đương nhiên hết sức vui sướng, Ngài bèn tường thuật, báo cáo tỉ mỉ cảnh giới này. Nói với ai? Nói với con người, người ta nghe chẳng hiểu! Đừng nói người thế gian chúng ta nghe không hiểu, chư thiên trong hai mươi tám tầng trời nghe cũng không hiểu; bởi lẽ, Ngài giảng trong Định. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tịnh tọa dưới cội Bồ Đề, đâu biết Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm nơi ấy. Kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới khai ngộ của đức Thế Tôn. Ngài nói cặn kẽ, nêu bày toàn bộ. Nói trong bao nhiêu ngày? Theo kinh chép thì là “*hai thát*”, tức mười bốn ngày, cũng có kinh bảo là giảng trong hai mươi một ngày. Chúng ta có thể không cần quan tâm đến chuyện này, cũng không cần phải khảo chứng, đừng phân biệt, chấp trước chuyện này. Tối đa là hai mươi một ngày, giảng trong Định!

Trong Thiên Định, thời gian và không gian chẳng còn nữa. Thời gian và không gian chẳng còn, chúng ta có thể tin chuyện này, vì sao? Có chứng minh khoa học! Khoa học chứng minh như thế nào? Thôi miên rất khoa học! Trong thôi miên, thời gian và không gian chẳng còn nữa! Quý vị thấy: Thôi miên hai tiếng, người được thôi miên có thể nhớ được vài đời trong quá khứ. Lúc bị thôi miên, người ấy có thể tới thiên đường, mà cũng có thể xuống địa ngục. Quý vị thấy đó: Đột phá thời gian lẫn không gian! Do chúng ta biết: Thôi miên cũng là tinh thần phải buông lỏng hết thảy, buông xuống hết thảy, trong tâm không có tạp niệm, có cùng một nguyên lý [với Thiên Định]. Công phu Thiên Định càng sâu hơn, thời gian [nhập Định] càng dài hơn, bảy ngày, hai mươi một ngày, trọn pháp giới

hư không giới quả thật đều có thể thấy rõ rệt, minh bạch. Thật ra, có cần tốn ngàn ấy thời gian hay không? Không cần! Chỉ trong một niệm! Trong một niệm bèn thông đạt, hiểu rõ, tùy thuộc quý vị buông xuống nhiều hay ít. Sai biệt chẳng do công phu cạn hay sâu, mà do quý vị buông xuống nhiều hay ít. Vì thế, quý vị muốn dụng công, ngàn muôn phần đừng chấp trước; buông xuống càng nhiều, tâm quý vị càng thanh tịnh, càng gần với tự tánh. Trong cuốn [Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận] Hoàn Nguyên Quán có nói: “*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, tức là càng buông xuống nhiều, càng gần với tự tánh. Càng gần tự tánh, quý vị càng liễu giải. Sau khi liễu giải chân tướng, lão nhân gia xuất Định, bắt đầu dạy học, vì sao bắt đầu dạy học? Tâm từ bi tự nhiên lưu lộ, chẳng có lý do, không có điều kiện, thấy chúng sanh bèn muốn giúp họ trở về tự tánh. Vì lẽ gì? Họ và ta là một, không hai. Người giác ngộ biết, kẻ mê chẳng biết [ta và người] là một Thể. Làm như thế, dạy suốt bốn mươi chín năm, đức Thế Tôn viên tịch lúc bảy mươi chín tuổi. Từ năm ba mươi tuổi bắt đầu dạy học tới năm bảy mươi chín tuổi; do đó, Ngài giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm.

Chúng ta nhìn từ chỗ này, Ngài dùng thân phận nào? Mang chức nghiệp giáo sư, suốt đời dạy học. Dạy gì? Hết thầy các kinh do Phật đã giảng lúc còn tại thế chưa chép thành văn tự, đều chỉ là miệng nói. Sau khi đức Thế Tôn viên tịch, các học trò đem những gì thầy đã dạy, đã nói trong quá khứ ghi chép lại, đến khi ấy mới trở thành kinh điển. Ghi chép cũng chẳng phải là chuyện đơn giản, phải tìm người nhắc lại, tìm ai? Tìm A Nan. A Nan là thị giả của đức Phật. Kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời, ngài A Nan đều nghe qua. A Nan là em họ nhỏ nhất của đức Phật. Anh em họ của Ngài gồm tám người, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn nhất, A Nan nhỏ nhất, tức lão Bát, kém Phật hai mươi tuổi. Do thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh từ hai mươi năm trước đó, tức là khi Thích Ca Mâu Ni Phật bắt đầu giảng kinh, ngài A Nan mới sinh ra. Đức Phật đã giảng kinh suốt hai mươi năm, ngài A Nan mới xuất gia năm hai mươi tuổi, những kinh Phật đã giảng trong hai mươi năm trước, A Nan chưa được nghe. Vì thế, kinh có chép: Những lúc rảnh rỗi, đức Thế Tôn đem những gì đã nói trong quá khứ đều giảng lại cho ngài A Nan nghe, cho nên Ngài nghe kinh rất hoàn chỉnh. Ngài A Nan có trí nhớ đặc biệt tốt, nghe một lần sẽ vĩnh viễn chẳng quên, giống như máy thu âm, Ngài có thể nhắc lại nguyên văn, có khả năng hy hữu này. Trong các đệ tử Phật, chỉ có Ngài có trí nhớ cao nhất. Vì thế, sau khi đức Phật diệt độ, mọi người thỉnh A Nan lên tòa giảng lại, năm trăm vị A La Hán là các đệ tử đức Phật, trong thuở ấy, họ là những vị thường nghe kinh, đều chứng minh. Kinh nói ra phải được năm trăm A La Hán cùng đồng ý “*A Nan nói không sai, đức Phật đã nói như thế*” rồi mới ghi chép lại. Nếu có [điều nào bị] một ai đó nghi ngờ, phải lược bỏ điều ấy, nhằm giữ chữ Tín với người đời sau. Kinh tạng được kết tập nghiêm ngặt như thế, chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Văn tự dùng để kết tập thuở ấy là Phạn văn, hiện thời rất ít người hiểu cổ văn Ấn Độ. Kinh điển truyền đến Trung Quốc bằng tiếng Phạn, thuở ấy, những lưu học sinh Trung Quốc (những vị cao tăng sang Thiên Trúc cầu pháp) đến Ấn Độ học tập cũng học Phạn văn, từ tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán mà có thể chẳng bị sai lầm ư? Nay chúng ta dịch một bài văn chương từ tiếng Anh sang tiếng Hán, có thể dịch đúng một trăm phần trăm hay không? Không thể nào! Nói chung là có sai lầm. Đừng nói ngôn ngữ ngoại quốc, đối với cổ văn Trung Quốc, quý vị lấy một bài văn chương của cổ nhân, tìm vài người, hay tìm mười

người, bảo họ dịch bài ấy thành văn Bạch Thoại, mười người dịch khác nhau, rốt cuộc dùng tiêu chuẩn nào [để phán định đúng sai]? Rất khó nói, điều này có thể khiến cho người ta tin tưởng [tính chính xác của kinh Phật] hay chẳng? Khi ấy, tôi đã thỉnh giáo tiên sinh Phương Đông Mỹ chuyện này, làm thế nào để khiến chúng ta sanh khởi lòng tin? Thầy Phương hết sức cảm khái, nói: Người Trung Quốc thời cổ chẳng giống người Trung Quốc hiện thời. Người Trung Quốc hiện thời đánh mất lòng tự tin dân tộc, nên mới bị lãng nhục lớn lao như thế, chịu lắm khổ nạn như vậy. Xưa kia, người Trung Quốc không như vậy, hết sức tự hào. Kinh điển tiếng Phạn sau khi dịch sang tiếng Hán, không những ý nghĩa chẳng bị sai lầm, mà văn tự còn đẹp đẽ, bóng bẩy hơn nguyên văn! Nói cách khác, đã có bản tiếng Hán, có thể không cần đến bản tiếng Phạn, tự hào như thế đó! Tại Trung Quốc vào thời Tùy - Đường, người Trung Quốc thật sự giống như người Trung Quốc, đâu phải như hiện thời? Thầy Phương dạy tôi như thế, hóa giải nỗi nghi vấn của tôi.

Đúng không? Đúng! Từ xưa tới nay, Trung Quốc quả thật là một nước lễ nghĩa, là một nước to lớn mệnh mông, mãi cho đến đời Thanh, lòng tự tin ấy bị mất sạch. Vào cuối đời Thanh, vào cuối triều đại mới nảy sanh vấn đề, rất nhiều nhân tố khiến cho vấn đề nảy sanh, sử cận đại đã chép rất rõ ràng: Chẳng phải là truyền thống Trung Quốc có vấn đề, mà do người lãnh đạo đất nước thuở ấy là Từ Hy Thái Hậu có vấn đề. Đúng là *“một người khiến đất nước hưng thịnh, một người khiến cho quốc gia, dân tộc bị diệt vong”*, liên quan tới một cá nhân quá lớn! Nhà Thanh từ thuở khai quốc cho đến đời chông của bà ta là vua Hàm Phong, Từ Hy Thái Hậu là phi tử của Hàm Phong, đế vương các đời đều mời các bậc cao nhân Nho, Thích, Đạo, nói theo danh từ hiện nay là “chuyên gia, học giả” vào hoàng cung. Hoàng đế dẫn phi tần, văn võ đại thần nghe giảng mỗi ngày, học tập mỗi ngày, thật sự làm! Từ Hy phế trừ chế độ này; Từ Hy không theo những bậc đại đức Nho, Thích, Đạo nữa, không nghe lời họ nữa. Bà ta mê tín, cầu cơ, phò loan, ham chuyện thần tiên, quốc gia đại sự đều đem thưa hỏi trong đàn cầu cơ. Do vậy mất nước! Chương Gia đại sư kể cho tôi biết chuyện này. Đời trước của ngài Chương Gia là quốc sư của các đời hoàng đế nhà Thanh; trong tứ đại Lạt-ma² chỉ mình Ngài có đạo tràng tại Bắc Kinh. Chương Gia đại sư có trụ sở tại Bắc Kinh, Ngài thường ở Bắc Kinh để làm cố vấn cho hoàng thượng. Lão nhân gia cho tôi biết: Chuyện xấu do Từ Hy gây ra, bà ta phá hoại chế độ; người lãnh đạo coi rẻ truyền thống, dần dần ảnh hưởng tới quân chúng. Nếu chúng ta truy cứu, truyền thống văn hóa tốt đẹp như thế, vì lẽ nào mà trở thành nông nổi như hiện thời? Đầu mối do Từ Hy. Chúng ta phải biết yêu mến, phải làm thế nào để khôi phục [truyền thống văn hóa].

Do vậy, sau khi chúng tôi hiểu rõ ràng, minh bạch chuyện này, mới biết Phật pháp thù thắng, càng học càng ham thích, khi ấy, mới phát hiện, thật sự phát hiện của báu, phát hiện kinh giáo là món trân bảo thù thắng khôn sánh. Nhưng trong giáo pháp Đại Thừa

2 Tứ đại Lạt-ma là bốn vị sư trưởng cao cấp nhất theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng và Mông Cổ, gồm: Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama, ta thường đọc trại thành Đại Lai Lạt Ma, nhưng người Tây Tạng thường gọi Ngài bằng danh xưng Gyalwa Rinpoche, Kundun hay Yishin Norbu), Ban Thiền Ngạch Nhĩ Đức Ni (Panchen Erdeni, Ban Thiền Lạt Ma), Triết Bồ Tôn Đan Ba (Jetsundampa) và Chương Gia Hoạt Phật (Lcang-skya Hutugtu, đôi khi viết là Janggiy-a qutuy-tu hoặc Changkya Khutukhtu). Trong bốn vị này, danh xưng Quốc Sư của Đại Lai Lạt Ma chỉ là mỹ hiệu phong tặng, nhà Thanh nhiều lần chèn ép Đại Lai Lạt Ma rất tệ hại, chỉ có ngài Chương Gia là được trọng vọng, tôn kính đúng thân phận quốc sư.

thường nói: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải*” (Phật pháp không có người nói, thì tuy có trí vẫn chẳng thể hiểu được). Hiện thời, sách vở thì có, nhưng thiếu người truyền thừa. Trong thời Dân Quốc, đúng là đời sau thua đời trước, đã đến thuở mạt. Trong thời Kháng Chiến, nói chung còn có mười mấy vị xuất gia và tại gia [hoàng dương Phật pháp]. Sau thời Kháng Chiến, ngày càng ít, bậc đại đức hiếm hoi, thiếu người kế tục, đặc biệt là trong năm mươi năm gần đây. Chúng ta biết: Phật giáo thật sự hoàn toàn chẳng có diện mục. Tại Đài Loan, thật sự giảng kinh, dạy học chỉ có mình thầy Lý. Cụ mở một liên xã tại Đài Trung, trong liên xã mở lớp dạy học. Cụ mở mười mấy lớp đều là dạy truyền thống văn hóa giống như giáo dục xã hội hoặc lớp huấn luyện bổ túc, không nhận học phí. Bản thân thầy Lý lắm tài nhiều nghề, biết rất nhiều thứ, có năng lực dạy dỗ. Cụ dạy học tại Đài Trung ba mươi tám năm, tịch năm chín mươi bảy tuổi. Cụ giảng kinh tại Đài Trung suốt ba mươi tám năm chẳng gián đoạn, nhưng mỗi tuần chỉ giảng một buổi, ấn định buổi học nhằm ngày thứ Tư, thời gian cố định, nơi chốn cố định. Do vậy, cụ chẳng cần tuyên truyền, thứ Tư mỗi tuần đến Từ Quang Đồ Thư Quán ở Đài Trung, nhất định thấy cụ giảng kinh ở đó, mỗi tuần một lần. Cụ dạy lũ học sinh chúng tôi là những học sinh trẻ tuổi học giảng kinh cũng là mỗi tuần một lần nhằm ngày thứ Sáu, dạy chúng tôi giảng kinh; còn dạy cổ văn thì như một lớp học nhỏ của nhóm ông Giang Dật Tử, họ học thi từ với cụ. Ngoài ra, còn có nhiều khoa mục, nhưng chính thầy tìm không ra thời gian, phải mời giáo viên từ bên ngoài đến dạy. Do là giáo dục xã hội, nên xét về điểm này, rất giống với cách thức dạy dỗ thời Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đối với Phật giáo trên toàn thế giới hiện thời, tôi nghĩ: Nếu nói đại lược, tôi thiếu có sáu hình thức khác nhau mà chúng ta phải biết. Loại thứ nhất là giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, lão nhân gia suốt đời làm thầy; nói theo cách bây giờ, Ngài là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, Ngài mang thân phận là một người có nghĩa vụ làm công tác giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, không nhận học phí. Cuộc sống rất đơn giản, ăn một bữa Ngọ, ngủ dưới gốc cây, suốt đời không xây trường học. Giảng dạy ở chỗ nào? Rừng núi, dưới cội cây, số người học chẳng ít! Vì thế, nay chúng ta nghĩ đến, thấy chẳng đơn giản. Thường Tùy Chúng là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, những vị này chẳng rời khỏi Phật. Tôi nghĩ những người tham dự khác, tôi thiếu cũng bằng số này. Nói cách khác, khi Phật dạy học, thỉnh chúng phải tới hai, ba ngàn người. Thuở ấy, đâu có máy khuếch âm, ở trong đồng trống, nếu người ta nghe không rõ ràng lắm, có còn hứng thú theo học với Phật nữa hay chẳng? Buổi tối nghỉ dưới cội cây, gió thổi, nắng hun, mưa tấp đều chẳng ngại, thân kim cang bất hoại mà! Giữa trưa ăn một bữa, người ta cho gì ăn nấy, chẳng phân biệt tí nào. Đó là hạng người gì, thân thể gì vậy? Chúng ta ngẫm lại, không có cách nào sánh bằng! Chúng ta ra ngoài đồng ở một đêm, hôm sau về nhà bèn ngã bệnh, làm sao có thể sánh bằng? Chẳng phải là một hai ngày, mà là sống như vậy suốt bốn mươi chín năm, chẳng thể khiến kẻ khác bội phục ư? Thật sự có công phu, thân lẫn tâm đều khỏe mạnh. Đây chính là Phật giáo nguyên gốc của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lão nhân gia suốt đời chẳng lập đạo tràng là có lý của Ngài; bởi lẽ, lập đạo tràng sẽ có kẻ khởi ý niệm công quẹo: “Làm thế nào để có đạo tràng ấy?” Ngài không có đạo tràng, vì biết người đời sau [đối với đạo tràng] sẽ có tác dụng phụ (kiến giải chấp trước, tham câu lệch lạc), thứ gì cũng không có, chúng ta nên học theo điều này!

Phật giáo truyền sang Trung Quốc, đạo tràng do quốc gia, hoặc những vị trưởng giả đại phú kiến tạo, đều gọi là “thập phương đạo tràng”, đều chẳng thuộc tư nhân. Đạo tràng tự quản lý là cách thức rất hay, hết thầy những người điều hành đều được bầu ra. Do vậy, Phật môn có chế độ tuyển cử sớm nhất. Trụ Trì hay Đương Gia đều do tuyển cử, nhiệm kỳ một năm. Vì lẽ gì? Đây là phục vụ; phục vụ thì chẳng thể bắt người ta phải phục vụ mãi, mỗi cá nhân đều phải có nghĩa vụ này, hoàn toàn là nghĩa vụ. Vì thế, mỗi cá nhân tối thiểu phải phục vụ một năm. Trong chùa chiền, ngày Ba Mươi tháng Chạp, các vị [chấp sự] cùng từ chức, bầu cử lại. Ngày hôm sau, những người mới được tuyển cử sẽ nhậm chức vào ngày mừng Một tháng Giêng, đến hôm Ba Mươi [tháng Chạp năm ấy] sẽ cùng từ chức. Vì vậy, đây là một chế độ tốt đẹp, chẳng có ai tranh chấp, thật sự là tuyển lựa người tài năng và đức độ làm Trụ Trì đạo tràng; bởi lẽ, đây là một cơ cấu giáo học. Tại Trung Quốc đã có chế độ này, chính thức đi vào khuôn khổ, chính thức tiến hành công tác giáo học. Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo học tư nhân, giống như Khổng lão phu tử cũng là giáo học tư nhân. Sau khi đạo Phật truyền đến Trung Quốc bèn có chế độ, chế độ này được gọi là “*chế độ từng lâm*”. Trong quá khứ, Phương tiên sinh đã nhiều lượt nói với tôi điều này, tôi tối thiểu cũng phải mười mấy lần, tạo ấn tượng rất sâu đậm. Thầy nói Phật giáo muốn hưng vượng, nhất định phải khôi phục chế độ từng lâm. Chế độ từng lâm là trường học, chính thức quản lý trường học: Chủ tịch từng lâm là hiệu trưởng, Thủ Tọa là giáo vụ trưởng, Duy Na là huấn đạo trưởng, Giám Viện là tổng vụ trưởng, hoàn toàn giống với cách phân chia trách nhiệm trong trường đại học. Tuy khác danh xưng, nhưng chức trách như nhau, quả thật là một trường học. Đây là trong quá khứ. Hiện thời chẳng còn nữa. Hiện nay, Phật giáo biến thành tôn giáo. Chúng ta nên biết điều này xảy ra từ thời vua Gia Khánh trở đi. Trong thời Càn Long - Gia Khánh, chùa chiền, từng lâm Trung Quốc vẫn còn là nơi dạy học, đời nào cũng có bậc cao tăng, đại đức. Hiện nay đã biến thành tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận nó. Do vậy, loại thứ hai là tôn giáo Phật giáo. Quý vị thấy loại này lấy kinh sám Phật sự, pháp hội làm chính yếu, chẳng giảng kinh, dạy học, biến chất rồi! Loại thứ ba là biến thành học thuật. Trong trường đại học, ban Triết Học dùng kinh Phật để giảng dạy, tôi cũng dạy mấy năm, Phật giáo biến thành học thuật, biến chất rồi! Loại thứ tư là du lịch văn cảnh trong nước, tức là loại Phật giáo tham quan du lịch. Còn có một loại rất mới, rất “hợp thời trang” là xí nghiệp Phật giáo, nghe nói còn có cạnh tranh trên thị trường, xí nghiệp Phật giáo mà! Loại cuối cùng là tà giáo Phật giáo, đeo chiêu bài Phật giáo, thật ra chẳng ăn nhập gì với Phật giáo, giống như cái gọi là Pháp Luân Công, hoàn toàn sai lầm. Như vậy là tối thiểu có sáu hình thức khác nhau, chúng ta đang học loại nào, phải hiểu rõ điều này!

Do Chương Gia đại sư chỉ tôi đường lối này, dạy tôi hãy học về Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi cũng rất vâng lời, hết sức tôn kính thầy, vâng lời thầy chỉ dạy. Sau đây, không những thầy dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, mà còn mong tôi hãy xuất gia, đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi làm theo, chứng thực lời cụ Phương đã nói: “*Học Phật là hưởng thụ tối cao trong đời người*”, thật là hạnh phúc sung sướng mỹ mãn. Có thử thách hay chẳng? Thử thách hết sức nhiều, thử thách đều là khảo thí. Chúng ta học Phật, đối với người, đối với sự, đối với vật, phải vĩnh viễn giữ tấm lòng cảm ơn. Quý vị sẽ luôn gặp phải hủy báng, chướng ngại, thậm chí hãm hại, quý vị phải cảm ơn những người ấy. Vì sao? Họ đên khảo ta, ta đều có thể vượt qua, chẳng oán hận, chỉ cảm ơn. Vì lẽ gì họ chướng ngại ta như thế? Đại khái là do hai nguyên nhân: Một là trong đời quá khứ, có lẽ ta

đã chướng ngại họ. Đây là oan oan tương báo. Nay chúng ta hiểu rõ, giác ngộ, tiếp nhận quả báo này, hóa giải oan nghiệt ấy. Ta chẳng trả thù họ, mà cũng đừng nên oán hận họ. Một nguyên nhân khác là từ xưa đến nay, đây là điều chẳng thể tránh khỏi. Bị đổ ky, chướng ngại là do bản thân chúng ta cư xử chẳng cẩn thận, thái độ chẳng khiêm tốn, khiến kẻ khác sanh lòng ghen ghét. Đó là ta sai, chẳng phải kẻ ấy sai, chúng ta cũng phải cảm ơn kẻ ấy. Trong Phật pháp, nơi đâu hữu duyên bèn đến đó, hữu duyên được gọi là “*thời tiết nhân duyên*”. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Nhân vô thiên nhật hảo, hoa vô bách nhật hương*” (người chẳng tốt đẹp ngàn ngày, hoa chẳng thơm trăm bữa). Người và người ở chung với nhau, có thể ở chung ba năm, quý vị bèn chán ngán, nảy sanh vấn đề. Chúng ta phải biết dè dặt, cẩn thận trong khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi, phải lấy những lời chỉ dạy của Phật, Bồ Tát, thánh hiền làm tiêu chuẩn ứng xử cho chúng ta, nghiêm ngặt tuân thủ, chắc chắn sẽ có ích. Đối với những kẻ thương tổn chúng ta, chúng ta dùng tâm tình báo ân để đối đãi, lâu ngày họ sẽ biết, biết rồi cũng sẽ hối cải, nhưng như thế nào? Nói xin lỗi là vấn đề thể diện! Chúng ta biết điều ấy, trong tâm kẻ ấy chẳng còn oán hận chúng ta, hóa giải rồi. Quý vị nói xem chuyện này có vui sướng lắm hay không, là chuyện tốt đẹp như thế đó!

Bởi lẽ, trong thế gian hiện tại, oan oan tương báo quá nhiều, vì lẽ gì? Quý vị đối xử với người khác, chẳng ban bố ân đức, khó tránh kết oán với người khác. Nay vì sao con hiếu cháu hiền ít ỏi, quý vị ngẫm xem chính mình có bố thí ân đức đối với người ngoài hay chẳng? Bố thí ân đức mới có kẻ báo ân tìm đến. Bố thí tài vật mới có người tới trả nợ. Luôn luôn toan chiếm phần tiện nghi hơn người, đó là gì? Con cháu của quý vị là kẻ đến đòi nợ. Đâu đâu cũng ngạo nghễ, lấn áp người khác, như vậy là sẽ có kẻ tới báo oán. Phiền phức ở chỗ này. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, đều là “*tự làm, tự chịu*”. Mọi người đều là người tốt, tổ tiên dạy chúng ta “*nhân tánh bốn thiện*” (tánh con người vốn lành), Đại Thừa Phật pháp dạy chúng ta “*tất cả chúng sanh vốn là Phật*”, chúng ta thấy người khác như thế nào? Chúng ta phải thấy người khác, hết thầy chúng sanh đều là Bồ Tát, đều là Phật, thật đấy, chẳng giả đâu! Vì sao Thiện Tài chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn trong một đời? Xưa kia, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, cũng bỏ ra không ít thời gian; đáng tiếc là khi ấy ngay cả máy thu âm cũng chưa có. Tôi giảng kinh được một nửa bèn hiểu rõ, biết bí quyết thành tựu của Ngài chính là: Trong lòng Ngài, chúng sanh toàn là thiện tri thức, toàn là Phật, Bồ Tát, cho nên Ngài thành tựu. Tôi quan sát cẩn thận, tìm ra thông tin này từ kinh điển: Thầy của Ngài là Văn Thù Bồ Tát. Ngài đắc Căn Bản Trí nơi Văn Thù Bồ Tát, mà cũng là đắc thanh tịnh tâm, đại triệt đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, khởi tu là gì? Khởi tu là sống. Văn Thù Bồ Tát bảo Ngài đi tham học, năm mươi ba lần tham học, tham học là gì? Tiếp xúc các tầng lớp trong xã hội, hết thầy mọi người mà quý vị tiếp xúc từ sáng đến tối toàn là Phật, toàn là Bồ Tát, chỉ có một mình ta là phàm phu. Ngài mang tâm thái như vậy, áp dụng toàn bộ những điều đã học từ chỗ thầy vào cuộc sống, áp dụng trong công việc, áp dụng trong xử sự, đãi người, tiếp vật.

Khi thầy Phương giới thiệu kinh Hoa Nghiêm, đã bảo tôi: Kinh Hoa Nghiêm có lý luận viên mãn, có phương pháp thiện xảo, cuối kinh lại còn có biểu diễn. Năm mươi ba lần tham học là biểu diễn, quý vị thấy: Đem đạo lý và phương pháp áp dụng vào cuộc sống, công tác, vào xử sự, đối nhân xử thế cho quý vị thấy. Cụ nói bộ sách giáo khoa này, cụ quan niệm kinh Hoa Nghiêm là Phật học khái luận bậc nhất trên thế giới, tìm chẳng ra loại

tài liệu giảng dạy thứ hai nào tốt đẹp như thế. Vì thế, vào tuổi xế chiều, lão nhân gia dạy Triết Học Hoa Nghiêm cho chương trình tiến sĩ ở đại học Phụ Nhân (đại học của giáo hội Công Giáo) đúng là thỏa thích. Chúng tôi được thầy chỉ dạy, mới biết Phật pháp thù thắng khôn sánh. Phật pháp quả thật có thể giải quyết vấn đề của chính mình. Bản thân tôi có rất nhiều vấn đề, trong đời quá khứ chẳng tu phước báo. Số mạng có thật! Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huân, thấy tiên sinh Liễu Phàm được Không tiên sinh đoán mạng, suốt hai mươi năm chẳng sai mảy may: Thu nhập hàng năm, thứ tự đỗ đạt, địa vị đẳng cấp mỗi năm đã định trước trong số mạng. Trong cuộc sống hằng ngày, tiên sinh Viên Liễu Phàm chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới, cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong Thiền Đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng khởi một niệm. Loại người này rất ít, thiền sư Vân Cốc rất kinh ngạc, ba ngày ba đêm chẳng khởi một niệm, công phu này khá lắm! Liên hỏi ông ta: “Ông tu như thế nào?” Ông ta liền đáp lời, cũng rất thật thà: “Con chẳng có công phu gì! Số mạng đã được người khác đoán sẵn, khởi niệm vô ích, chẳng thà coi như xong, chẳng khởi niệm nữa!” Thiền sư Vân Cốc cười, bảo: “Ta ngỡ ông là thánh nhân, hóa ra ông vẫn là phàm phu”. Ông ta hỏi: “Sao thầy nói vậy?” Sư bèn giải thích. Đây là một người thật sự hiểu mạng vận, chẳng khởi vọng tưởng. Quý vị tin vào số mạng, hãy xem thiền sư Vân Cốc dạy ông Viên phương pháp sửa đổi số mạng. Số mạng của quý vị do đâu mà có? Do [các nghiệp nhân] trong đời quá khứ tạo thành.

Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi; Ngài đã già, lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi, khi ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, lão nhân gia đã sáu mươi lăm tuổi. Sư đã gặp nhiều người. [Theo Sư nhận định], con người tôi ngoại trừ có chút thông minh nhỏ nhất, trong số mạng chẳng có của cải, chẳng có địa vị, là kẻ bần tiện, có số ăn mày! Còn có một tí thiện căn, đây là điểm khó có: Biết tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ, thọ mạng chỉ được bốn mươi lăm tuổi, tôi tin tưởng [lời Sư]. Vì thế, Ngài giúp tôi, dạy tôi tu ba điều: Tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí, dạy tôi những điều này để sửa đổi số mạng. Tài bố thí thì tôi không có tiền, mỗi tháng bản thân chỉ có chút tiền lương, đời sống khá chật vật, tiền đâu để bố thí? Ngài hỏi tôi: Có các nào hay không? Một các cũng được! Một đồng có được hay không? Một đồng vẫn được! Anh hãy bố thí từ một các, một đồng, trước hết, phải có ý nguyện bố thí, có ý niệm ấy. Về sau, tôi thường đến chùa miếu mượn kinh xem, chẳng có chi khác, chùa miếu có kinh sách, mua bên ngoài chẳng được. Thấy nhà chùa in kinh sách, bèn quyên góp một ít tiền, chúng ta bỏ ra năm mươi xu, hay một đồng đều được, làm từ chỗ này. Phóng sanh thì lúc tôi mới học Phật bèn phóng sanh, in kinh, đúng là càng thí càng nhiều, chẳng giả tí nào! Sau này, theo thầy Lý học kinh giáo, rồi đi giảng kinh. Giảng kinh là pháp bố thí. Đại khái, tôi giảng kinh mười một, mười hai năm, có lần gặp Cam Châu Hoạt Phật (Kanjurwa Khutughtu), vị này đã khuất, cũng là học trò của Chương Gia đại sư, cũng có địa vị rất cao trong Phật giáo theo truyền thống Tây Tạng. Có một lần, Sư cho tôi biết: “Pháp sư Tịnh Không, thầy đến đây, tôi có lời muốn nói với thầy”. Tôi nói: “Thưa Phật gia, chuyện gì thế?” Tôi và Sư rất thân thuộc. Sư nói: “Chúng tôi phê bình sau lưng thầy”. Tôi hỏi: “Phê bình tôi điều gì?” Sư nói: “Thầy là người rất thông minh, cũng là một người tốt, rất đáng tiếc mạng thầy rất khổ, đoản mạng”. Tôi đáp: “Chuyện này có thể nói trước mặt mà! Tôi biết rất rõ, tôi đâu bận tâm chuyện này”. Sư nói: “Mấy năm nay, thầy giảng kinh công đức rất lớn, số mạng của thầy đã chuyển biến”. Tôi hỏi: “Thật sao?” “Thật đó! Thầy thọ mạng rất dài, phước báo rất lớn”. Tôi cũng chẳng cầu phước báo, cũng

chẳng cầu tuổi thọ, thật đấy! Sư nói với tôi chuyện này xong, năm sau bèn vãng sanh, tôi không ngờ Sư vãng sanh nhanh như vậy!

Vì thế, gặp được Phật pháp, vận mạng mới chuyển biến rất lớn, mỗi một lần bị vùi dập là một lần được tiến triển với mức độ lớn, đồng học ở cạnh tôi đều đích thân thấy điều này. Chúng ta học Phật chỉ có một sứ mạng: Mong cho chánh pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật tồn tại lâu dài, học đòi Thích Ca Mâu Ni Phật giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ. Phá mê khai ngộ bằng giáo học. Con người khổ nạn, xã hội gặp tai nạn là vì đâu? Đều do chúng sanh mê hoặc, điên đảo, tạo tác nghiệp bất thiện mà cảm vờ. Làm thế nào để giúp chúng sanh, giúp xã hội hóa giải tai nạn? Dùng ngay biện pháp quen thuộc của Thích Ca Mâu Ni Phật, giảng kinh, dạy học. Bởi lẽ, người giảng kinh dạy học càng đông, kẻ được giáo hóa càng nhiều, người giác ngộ càng lắm, nhiều vấn đề trong xã hội sẽ được giải quyết, cái gọi là “thiên tai” cũng dần dần bị hóa giải, chuyện này là thật, chẳng giả! Tiên sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm trên nước, mới đây đã triệu tập một hội nghị tại Đông Kinh, có mời tôi. Tôi viết một bài diễn giảng, giao cho cư sĩ Chung Mậu Sâm thay tôi tham dự, báo cáo trong đại hội. Khoa học chứng minh ý niệm của chúng ta chẳng thể nghĩ bàn. Bởi lẽ, theo giáo pháp Đại Thừa, vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Đức Phật nói rất rõ ràng: *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Vì thế, chúng ta giải quyết vấn đề của chính mình, sẽ giải quyết vấn đề nơi hoàn cảnh. Đối với thiên tai trong môi trường hiện thời, Phật pháp đã dạy chúng ta một nguyên tắc chỉ đạo tối cao, tức là quý vị phải thật sự hiểu: *“Trương do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm”*. Chỉ cần chuyển biến cái tâm. Giáo học của Phật pháp không có gì khác, dạy bảo chúng ta hãy chuyển ác thành thiện, [thiện, ác] có tiêu chuẩn. Thập Thiện Nghiệp Đạo là tiêu chuẩn trong nhà Phật. Quý vị đừng coi thường mười điều này. Trong giáo pháp Tiểu Thừa, mười điều ấy được triển khai thành ba ngàn oai nghi; trong Đại Thừa Bồ Tát pháp, triển khai thành tám vạn bốn ngàn oai nghi, tức là mười điều này mở rộng thành tám vạn bốn ngàn điều, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, tu Thập Thiện viên mãn thì tám vạn bốn ngàn điều quý vị đều thực hiện, quý vị sẽ thành Phật!

Đừng coi thường một trăm mười ba điều trong cuốn Đệ Tử Quy của Nho gia! Nếu triển khai thì chúng cũng thành tám vạn bốn ngàn điều, toàn bộ văn hóa truyền thống được thực hiện ngay trong đó. Do vậy, Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, thậm chí Tứ Khô Toàn Thư đều chẳng tách rời [những điều ấy]; mỗi một điều đều chẳng tách rời, đều giống với Thập Thiện Nghiệp Đạo. Mỗi một bộ kinh, mỗi một câu, mỗi một chữ trong Đại Tạng Kinh đều chẳng tách lìa Thập Thiện Nghiệp Đạo, một tức hết thảy, hết thảy tức một. Cũng vì hiện thời đúng là lúc tai nạn rất nhiều, cho nên tôi phát tâm tạm ngừng giảng kinh Hoa Nghiêm từ một năm tới hai năm để lần này giảng bộ kinh này. Trong quá khứ, tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần, nhưng lần này, tôi chẳng giảng kinh mà giảng chú giải, giảng chú giải của ai? Giảng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Hoàng lão cư sĩ với tôi là bạn bè, mà cụ cũng là thầy của tôi. Cụ có cùng vai vế với thầy tôi. Lão cư sĩ Lý Bình Nam là học trò của đại sĩ Mai Quang Hy. Mai đại sĩ và cụ Hạ Liên Cư là sư huynh, sư đệ, bạn bè hết sức thân thiết. Cụ Hoàng Niệm Tổ là cháu gọi cụ Mai Quang Hy bằng cậu, là học trò cụ Hạ Liên Cư. Do trước kia chưa từng gặp mặt, nhưng tôi từng nghe cụ Lý nhắc đến tên cụ Hoàng, có chút ấn tượng như thế đối với cụ Hoàng Niệm Tổ. Thuở ấy, năm 1986, tôi là hội trưởng của Hoa Phủ Phật Giáo Hội tại Washington, Mỹ quốc. Các đồng tu

tới bảo tôi: Họ tính mời một vị thượng sư Mật Tông sang Mỹ hoằng pháp. Khi đó, tôi nghe xong, không cho là đúng: “Chúng ta là Tịnh Độ Tông, chớ nên dính dáng môn phái khác!” Tôi nói: “Chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu”. Tôi hỏi họ: “Vị đại đức Mật Tông ấy là ai thế?” Họ thưa: “Hoàng Niệm Tổ”. Trong đầu tôi có ấn tượng về Hoàng Niệm Tổ, tôi nghĩ mãi mới ra, tôi hỏi: “Có phải ông ta là cháu cụ Mai Quang Hy hay chăng?” Họ đáp: “Đúng vậy”. Tôi bảo: “Hãy thỉnh ông ta sang”. Thầy Lý đã nói đến vị này mấy lần, tôi tưởng cụ là người lớp trước, đã tịch rồi, [nào ngờ] cụ vẫn còn trong nhân gian, rất khó có! Những điều cụ giảng là chân truyền, không có vấn đề gì! Vị này được đích thân cụ Mai và cụ Hạ uồn nắn, dạy dỗ, tôi nói: “Vị đại đức này khó có, quý vị hãy thỉnh cụ đến đây”. Thỉnh cụ đến như thế đó.

Thỉnh đến rồi mới biết, cụ hoằng dương bản hội tập này trong nước, tôi hoằng dương tại hải ngoại. Cụ nghe nói xong, hai người chúng tôi hết sức cao hứng. Điều hết sức khó có là khi ấy, cụ vừa viết xong bản chú giải, in bằng ronéo, chữ in lờ mờ, chẳng rõ ràng. Chúng ta biết: In thứ gì bằng ronéo, nhiều nhất là không hơn một trăm bản. In hơn một trăm bản, giấy sếp (stencil) sẽ chẳng thể dùng được nữa. Cho nên cụ mới phải dùng bản in như vậy. Đương nhiên, bộ sách cụ mang sang Mỹ, nhất định là chọn bản in tương đối rõ ràng một chút để tặng cho tôi; tôi đọc xong, hết sức hoan hỷ. Cụ mong tôi viết lời tựa, do vậy, lời tựa [bộ chú giải ấy] là do tôi viết. Trước kia, tôi sang Bắc Kinh, sang vài lần, toàn là đến gặp cụ, vì gặp cụ mà sang đó. Mỗi một lần sang đó, chúng tôi đều có một khoảng thời gian rất dài để thảo luận các vấn đề Phật pháp. Cụ dạy tôi rất nhiều; do vậy, chúng tôi là bạn bè thân thiết, mà cụ cũng là thầy tôi, tôi cũng cảm kích ân đức của cụ. Bản hội tập này của cụ Hạ đâu phải là dễ có, phàm phu làm sao có thể làm được! Các lần hội tập trong quá khứ, [các bản hội tập của] Vương Long Thu, Ngụy Mặc Thâm, hay tiết bản (bản trích lục, phân chia thành chương đoạn) của Bành Tế Thanh đều có vấn đề, vẫn chưa thể coi là bản tận thiện tận mỹ. Đọc bản này, nếu quý vị xem lời tựa rất dài của cư sĩ Mai Quang Hy, [sẽ thấy cụ Mai] viết hết sức rõ ràng. Do vậy, ở Đài Trung, sau khi bản này truyền đến Đài Trung, thầy Lý đã giảng kinh này một lượt. Khi ấy, kinh chưa có chú giải, chính cụ Lý dùng bút lông viết lời mi chú³ kỹ càng, đầy đủ. Khi cụ giảng bộ kinh này, tôi còn chưa đến Đài Trung, chưa được nghe, nhưng cụ đem bản mi chú này trao cho tôi, tôi có thể đọc hiểu; dùng bản này, tôi cũng có thể giảng, có năng lực này. Do vậy, khi đó, chúng tôi đã tính giảng bộ kinh này, trình lên thầy. Thầy bảo chưa được, chưa đến lúc, chưa đến thời tiết nhân duyên. Vì thế, các đồng tu ở Đài Bắc đã in kinh xong, nhưng rút cuộc đổi sang giảng kinh Lăng Nghiêm; tôi ở Đài Bắc, trước sau đã đem kinh Lăng Nghiêm học được từ lão nhân gia giảng bảy lần.

Do nguyên nhân gì? Đó kỳ, chương ngại. Tại Đài Loan, mọi người có thành kiến đối với cụ Hạ, đối với thầy Lý cũng có thành kiến, nên thầy bảo tôi hãy tránh né. Đến khi lão nhân gia vãng sanh, tôi ở Mỹ, nghĩ thầy đã cho tôi bản này, rất nhiều người chưa thấy bản này, tôi liền phát tâm in một vạn cuốn. Năm sau, tức năm 1987, in xong xuôi, bèn cho lưu thông, tại ngoại quốc, các đồng học ở Mỹ thấy bản này hết sức thích thú, liền thỉnh tôi giảng giải. Vì thế, tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ lần đầu tiên tại Vancouver, Gia Nã Đại. Lần thứ hai, tại thành phố San Francisco. Trước sau, giảng tất cả mười lần, kinh mới được

3 Mi chú là viết lời chú thích ở đầu mỗi trang.

giảng giải, lưu thông như vậy. Lần này tôi mang theo nguyên bản kinh này, tặng cho ông Hồ Tiểu Lâm làm kỷ niệm. Ông ta cũng thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, số lần đọc tụng rất nhiều. Từ nay về sau, chúng ta phải vĩnh viễn lưu truyền kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta cảm tạ ân đức hội tập của cụ Hạ, cảm tạ cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nhọc lòng chú giải bộ kinh này. Vì thế, lần này, tôi phát tâm giảng bản chú giải của cụ, gọi là Diễn Nghĩa. Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm có Diễn Nghĩa, đối với kinh Di Đà, Liên Trì đại sư có tác phẩm Sớ Sao. Học trò của Liên Trì đại sư lại chú giải Sớ Sao gọi là Diễn Nghĩa. Đại khái, đối với diễn nghĩa, các vị có khái niệm sâu nhất, như là tiểu thuyết Tam Quốc Diễn Nghĩa. Chúng ta dùng phương pháp này để cùng nhau học tập, học tập nhằm thâm nhập, thấu triệt, theo phương pháp giống như ông Hồ Tiểu Lâm học tập tác phẩm [Tu Hoa Nghiêm Áo Chi] Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, từng câu, từng chữ chúng tôi đều giảng rõ ràng.

Trong những năm qua, chúng tôi gặp nhiều người thuộc giới học thuật, tôi tiếp xúc rất nhiều, đặc biệt là đối với sinh viên đại học hiện thời, cảm thấy họ không giống thuở trước. Xưa kia, khi tôi dạy tại đại học, sinh viên kể ra cũng khá lắm. Khi lên lớp, chúng tôi đã không theo cách dạy thời cổ, mà là giảng giải, giảng hai tiếng đồng hồ, sinh viên thường rất yên lặng lắng nghe. Trong nhà trường hiện thời, không thể làm như vậy được! Sức chú ý của học sinh trong nhà trường hiện thời đại khái chỉ có mười lăm phút. Sau mười lăm phút, họ sẽ không đề tâm nữa. Do vậy, tôi thường đem chuyện này hỏi các giáo sư: “Quý vị dạy trong trường, dạy như thế nào?” Họ nói: “Giảng bài mười lăm phút”. Sau đó thì sao? Sau đó là nói chuyện phiếm, dùng phương pháp này cho qua thời gian. Chúng tôi thấy điều này hết sức khó chịu, cũng là do học sinh tánh khí hời hợt. Nói cách khác, đời chúng nó thiếu mục tiêu, thiếu phương hướng, mù quáng, hiện tượng này rất đau xót. Bởi vậy, tôi nghĩ tới hai câu nói của Khổng phu tử, hôm nay tôi đặc biệt nêu ra hai câu này: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*”. Dùng hai câu nói này làm thái độ học vấn, rất hay! “*Thuật nhi bất tác*” là gì? Không sáng tạo, không phát minh. Phu tử tự nói sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền cả đời Ngài toàn là những thứ do cổ thánh tiên hiền đã nói, không có gì là của chính mình! Chúng ta có tin được hay chẳng? Tôi học Phật nhiều năm như thế mới tin tưởng, đặc biệt là đối với những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm và bộ Hoàn Nguyên Quán, vì sao? Cổ thánh tiên hiền đều kiến tánh, thật sự minh tâm kiến tánh. Tôi từng hỏi thầy Lý, tôi nói: “Thưa thầy! Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Trang có phải là Phật, Bồ Tát tái lai hay chẳng?” Thầy mỉm cười, bảo tôi: “*Nói theo Lý thì được, nhưng trên mặt Sự thiếu chứng cứ*”. Phẩm Phổ Môn nói “*nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy*”, nhưng họ chẳng bộc lộ thân phận. Vì thế, chúng ta có thể nói theo Lý thì thông suốt, họ đều là bậc đại triết đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Kiến tánh sẽ viên mãn, quý vị chẳng thể thêm hay bớt chút nào, luôn là viên mãn. Người ấy chứng viên mãn, mà quý vị minh tâm kiến tánh cũng chứng viên mãn. Do vậy, hai chữ Như Lai có một cách giải thích: “*Như Lai giả, kim Phật như cổ Phật chi tái lai*” (Như Lai là Phật hiện tại giống như cổ Phật trở lại), giống như nhau, cho nên nói: “*Những điều ta nói đều giống như cổ nhân đã nói*”. Đúng vậy, chẳng sai tí nào! Tự - Tha bất nhị. Vì vậy, đùn trách nhiệm cho lời cổ nhân nói, chính mình chẳng có sáng tạo, phát minh, đó là khiêm hư. Bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, khiêm hư là bậc nhất. Quý vị thấy trong sáu mươi bốn quẻ [của kinh Dịch] có câu: “*Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích*” (Tự mãn sẽ chuốc lấy tổn hại, khiêm tổn được lợi ích). Trong sáu mươi bốn quẻ, chỉ có quẻ

Khiêm là “*lục hào giai cát*” (sáu hào⁴ đều tốt lành). Tâm con người hiện thời hời hợt, bộp chộp, chẳng khiêm hư; do vậy, chẳng những không thể tiếp nhận thánh giáo, mà học thuật thế gian cũng chẳng thể thành tựu. Hiện tại, tìm chẳng ra những nhà văn học giống như thời Đường, Tống, Nguyên, Minh. Vì thế, “*thuật nhi bất tác*” rất quan trọng! “*Tín nhi hiếu cổ*”: Đối với những trước tác của cổ nhân, thành tâm tin tưởng, một chút hoài nghi cũng chẳng có. Ưa chuộng cổ nhân, vui thích những giáo huấn của cổ nhân, những thứ ấy đã trải qua bao nhiêu thử thách, chịu đựng nổi khảo nghiệm, bị thời gian lẫn con người khảo nghiệm mà vẫn có thể lưu truyền tới nay, chứng tỏ chúng có giá trị, chúng ta phải tôn trọng, nghiêm túc, nỗ lực học tập. Quý vị thấy Phật pháp nói theo Lý rất đơn giản, chúng sanh và Phật chẳng khác, khác nhau ở chỗ nào? Mê hay ngộ. Phật, Bồ Tát đã giác ngộ, chúng sanh chưa giác ngộ, mê rồi! Do vậy, Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh, giúp gì? Giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ “*vọng tận, hoàn nguyên*” (hết vọng, trở về nguồn), đây là giáo dục. Giúp họ hoàn nguyên, giúp họ chứng đắc Bồ Tát, chứng đắc Phật, có công đức hay không? Chẳng có công đức. Vì sao? Họ vốn là Phật, vốn là Bồ Tát. Giác ấy là Bản Giác, Bản Giác vốn có.

Quý vị mới biết những bậc đại thánh đại hiền giúp người, tâm địa thanh tịnh lắm, thật sự chẳng nhiễm mảy trần, chẳng có vọng niệm nào. Nếu tôi giúp quý vị như thế là có ân đối với quý vị. Đây là vọng niệm, không có [vọng niệm ấy]! Chẳng có mảy may nào! Cho nên các Ngài thanh tịnh, tự tại, chúng ta nhất định phải hiểu điều này! Hiện thời, con người hiểu lầm Phật giáo rất sâu, khi chúng ta giảng giải, phải đặc biệt giảng rõ ràng. Người Ấn Độ nói Phật, người Hán nói “thánh nhân”. Phật nghĩa là gì? Nghĩa là giác ngộ. Thánh (聖) là gì? Thánh có nghĩa là hiểu rõ! Hiểu rõ chẳng phải là giác ngộ ư? Giác ngộ chẳng phải là hiểu rõ ư? Bởi lẽ, Tự - Tha là một, chẳng hai. Chúng ta xưng tụng Khổng Tử là Chí Thánh Tiên Sư, chúng ta cũng có thể xưng tụng Phật giống như vậy: “*Chí Thánh Bản Sư*”. Dùng cách xưng hô như vậy, mọi người sẽ chẳng cảm thấy mê hoặc, sẽ không nói Phật giáo là tôn giáo. Chí Thánh Bản Sư, về căn bản là một bậc thầy. Các Ngài đều dạy chúng ta “*thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*”. Hai câu nói này của Khổng Tử được chép trong sách Luận Ngữ, còn hai câu này của Phật được ghi ở nơi đâu? Trong kinh Hoa Nghiêm, [tức là trong lời giảng về] tựa đề của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư bảo đức Phật còn nói viên mãn hơn Khổng Tử. Ngài nói đức Thế Tôn từng bảo hết thầy các kinh do lão nhân gia đã nói trong bốn mươi chín năm đều do cổ Phật đã nói; đối với các kinh do cổ Phật đã nói, đức Phật chẳng nói thêm một chữ nào, “*thuật nhi bất tác*”, Ngài nói đến mức độ ấy, đúng hay không? Đúng! Vì sao? Phật hiện tại và cổ Phật chẳng khác, sở chứng của Phật hiện tại là sở chứng của cổ Phật, sở thuật của Phật hiện tại là sở thuật của cổ Phật, chẳng khác nhau!

4 Hào là một vạch liền hay đứt, mỗi một quẻ trong kinh Dịch gồm sáu vạch, tức là hai quẻ đơn chồng lên nhau. Quẻ Khiêm có tên gọi đầy đủ là Địa Sơn Khiêm, gồm quẻ Khôn chồng lên quẻ Cấn, phần Hào Từ (giải thích ý nghĩa của mỗi Hào trong một quẻ) đều giải thích cả sáu Hào của quẻ Khôn với ý nghĩa tốt đẹp, cả sáu câu đều có chữ Cát. Chẳng hạn, hào thứ nhất được giải thích như sau: “*Khiêm khiêm quân tử, dụng thiệp đại xuyên, Cát*”. Theo các nhà chú giải, câu này phải hiểu là: Bậc quân tử khiêm tốn, có trí tuệ, nên có thể tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, giống như có chiếc thuyền vững chãi có thể vượt sóng to sóng cả an toàn, nên bảo là tốt lành.

Như vậy thì chúng ta thực hiện hai câu này ra sao? Thực hiện trong lần này. Đây là lần thứ mười một tôi giảng bộ kinh này, dùng Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa, hoàn toàn dựa theo bản chú giải của thầy Hoàng Niệm Tổ. Chúng ta báo ân, báo ân cụ Hạ đã vì chúng ta hội tập một bộ sách viên mãn như vậy, hy hữu khó gặp gỡ! Tôi tin cụ Hạ chẳng phải là người thường, mà là bậc tái lai. Tôi từng hỏi cụ Hoàng. Cụ Hoàng khẽ gật đầu, bảo: “Chớ nên nói điều này với người ngoài”. Chúng tôi biết, trong tâm hiểu rõ: Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng không phải là người tầm thường, trong hoàn cảnh khó khăn như thế mà viết ra một bộ chú giải như vậy, quá khó có! Suu tập lắm tài liệu như thế. Tôi đã đến nhà cụ vài lần, thấy các tài liệu chất đống trong thư phòng. Quả thật là Tam Bảo gia trì, gần như cụ nghĩ đến thứ gì, đều có người tặng cho. Người tầm thường có thể được như vậy hay chẳng? Bộ kinh hay như thế, bản chú giải tuyệt như thế, nếu chúng ta chẳng sốt sắng học tập, sao chẳng phụ lòng cụ Hạ? Sao chẳng khiến cụ Hoàng thất vọng? Sao khỏi phụ lòng Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này? Báo ân Phật, báo ân thầy, báo ân quốc gia, báo ân chúng sanh, chúng ta dùng phương pháp diễn nghĩa này cũng là nghiêm túc, cẩn thận học tập. Đó là nhân duyên giảng kinh lần này. Trong thời đại này, phương thức báo ân cụ thể là phải dùng phương pháp này, chúng tôi làm trước tiên. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tập tới đây. Ngày mai, chúng ta sẽ bắt đầu học từ phần Tiền Ngôn (lời mở đầu). Á! Cám ơn mọi người.